

Bản án số: 64/2026/HNGĐ - ST

Ngày: 12/6/2026

“V/v tranh chấp ly hôn, con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đỗ Thị Thanh Nhân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Quang Huy

2. Bà Trần Thị Nhài

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Quỳnh – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 1 - Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Thảo - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 1 – Thái Nguyên xét xử sơ thẩm, công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm, thụ lý số: 40/2026/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2026, về việc “*Tranh chấp ly hôn, con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Lò Thị L**, sinh năm 2001

Số CCCD: 012301005441

Địa chỉ: **Bản T, xã M, tỉnh Lai Châu.**

Bị đơn: Anh **Lý Minh H**, sinh năm 1992

Số CCCD: 01909201776

Địa chỉ: **Tổ dân phố C, phường Q, tỉnh Thái Nguyên.**

Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 01, **Công an tỉnh T.**

(Chị **L** và anh **H** vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai tại phiên toà chị **Lò Thị L trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị đăng ký kết hôn với anh **Lý Minh H** trên cơ sở tự nguyện vào ngày 28/9/2022, tại **Ủy ban nhân dân xã Q, thành phố T nay là phường Q, tỉnh Thái Nguyên** trên cơ sở tự nguyện.

Quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, anh **H** không quan tâm đến vợ con, không chăm lo kinh tế gia đình nên dẫn đến vợ chồng hay cãi vã, khiến hôn nhân không có hạnh phúc và không thể kéo dài thêm. Chị và anh **H** cũng cố gắng tìm cách khắc phục và được hai bên gia đình động viên hoà giải nhưng không thành. Chị **L** cùng con về nhà ngoại ở và sống ly thân tháng 6 năm 2025, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã ở mức trầm trọng. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh **H** đã bị bắt giam vì có hành vi tổ chức trái phép chất ma túy. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn anh **H** để chị ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là **Lý Minh K**, sinh ngày 9/04/2023.

Khi ly hôn chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu **Lý Minh K** cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn: Chị **L** sẽ tự thỏa thuận với anh **H**, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: chị **L** xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và quá trình giải quyết anh **Lý Minh H** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh công nhận thời gian kết hôn, nơi đăng ký kết hôn đúng như chị **L** đã trình bày. Quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh không quan tâm đến vợ con và gia đình, vợ chồng có xảy ra cãi vã và đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2025. Nay chị **L** có đơn xin ly hôn anh **H** không đồng ý và mong muốn vợ chồng về đoàn tụ nuôi dạy con cái.

Về con chung: Anh **H** xác định có 01 con chung là cháu **Lý Minh K**, sinh ngày 9/04/2023.

Quá trình giải quyết anh **H** có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Tại đơn xin xét xử vắng mặt anh **H** đồng ý giao con cho chị **L** nuôi dưỡng chăm sóc con chung cho đến khi chấp hành án xong anh sẽ yêu cầu thay đổi nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: anh **H** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh **H** xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Việc tiếp nhận đơn của Tòa án, việc thụ lý đơn khởi kiện và quá trình giải quyết của Hội đồng xét xử và việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị HĐXX: Căn cứ Điều 28, 35, 39, 146, 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án có hiệu lực thi hành từ ngày 01.01.2017

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về ly hôn của chị **Lò Thị L**, cho chị **L** được ly hôn anh **Lý Minh H**.

- Về con chung: Giao cho chị **L** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung **Lý Minh K**, sinh ngày 9/4/2023 cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật.

Anh **H** không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết chị **L** và anh **H** có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị **L** và anh **H** tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị **L** và anh **H** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị **L** và anh **H** không yêu cầu nên không xem xét cầu giải quyết.

- Về án phí, quyền kháng cáo: Chị **L** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là Ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại **phường P, tỉnh Thái Nguyên**, vì vậy thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Thái Nguyên theo quy định tại các Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn vắng mặt, chị **L** và anh **H** đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị **L** và anh **H**.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị **L** và anh **H** kết hôn với nhau vào ngày 28/9/2022, tại **Ủy ban nhân dân xã Q, thành phố T nay là phường Q, tỉnh Thái Nguyên** trên cơ sở tự nguyện đủ điều kiện được công nhận hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống chị **L** và anh **H** đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, anh **H**

không quan tâm đến vợ con và lo toan kinh tế gia đình nên dẫn đến cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Sau khi xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng anh chị đã sống ly thân. Chị **L** xác định mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã ở mức trầm trọng nên chị **L** có nguyện vọng xin được ly hôn với anh **H**.

Anh **H** xác định nguyên nhân dẫn đến việc chị **L** yêu cầu ly hôn với anh là do vợ chồng xảy ra mâu thuẫn về quan điểm sống và kinh tế gia đình. Anh và chị **L** đã sống ly thân. Quá trình giải quyết vụ án, anh **H** đã có hành vi vi phạm pháp luật nên đã bị khởi tố và đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1, Công an tỉnh **T**. Do anh xác định chưa có điều kiện để hàn gắn tình cảm vợ chồng nên không nhất trí ly hôn.

Hội đồng xét xử nhận thấy, thực tế trong cuộc sống vợ chồng anh, chị đã xảy ra những mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị **L** và anh **H** đã ở mức trầm trọng không thể khắc phục được, tình cảm vợ chồng đã hết. Vì vậy, việc duy trì quan hệ hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai. Vì vậy, cho chị **L** ly hôn anh **H** là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là **Lý Minh K**, sinh ngày 9/04/2023.

Nhận thấy, chị **L** có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

Xét thấy, cháu **Lý Minh K** còn nhỏ đang được mẹ chăm sóc ổn định về mọi mặt, còn anh **H** hiện nay đang hạn chế về việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Do đó, cần tiếp tục để chị **L** trực tiếp nuôi dưỡng cháu **K** cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác như vậy là phù hợp với thực tế và Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Anh **H** không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết anh **H** và chị **L** có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị **L** và anh **H** tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị **L** và anh **H** xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị **L** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 146, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về ly hôn của chị **Lò Thị L**, cho chị **L** được ly hôn anh **Lý Minh H**.

2. Về con chung: Giao cho chị **L** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung **Lý Minh K**, sinh ngày 9/4/2023 cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật.

Anh **H** không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết chị **L** và anh **H** có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị **L** và anh **H** tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị **L** và anh **H** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị **L** phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000176 ngày 14/01/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

5. Quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày, chị **L** và anh **H** được quyền kháng cáo bản án kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án tại địa phương.

Nơi nhận:

- TA ND tỉnh Thái Nguyên;
- VKS ND tỉnh Thái Nguyên;
- VKS ND khu vực 1 – Thái Nguyên;
- Phòng THADS KV1-Thái Nguyên;
- UBND P Phan Đình Phùng, TN;
- Đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thanh Nhàn

